

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2018/DS-ST**.  
Ngày: 31-01-2018.  
V/v tranh chấp  
“Hợp đồng dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ Thơm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Tiêng
2. Ông Trần Hùng Bích

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **224/2017/TLST- DS** ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **117/2017/QĐXX-ST** ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lâm Ngọc H, sinh năm 1982

Địa chỉ: 54/7B, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Thái Văn H, sinh năm 1979 và bà Hồ Như T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: 6/5A, tổ 2, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 08 năm 2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Ngọc H trình bày:*

Vào ngày 20/5/2015 dương lịch bà có cho vợ chồng ông Thái Văn H, bà Hồ Như T vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất 03%/tháng, thỏa thuận trong thời hạn hai tháng sẽ hoàn trả lại. Đến hạn hai tháng ông H, bà T có đến gặp và muốn tiếp tục đóng lãi và để lại vốn để buôn bán vì mượn chỗ khác lãi suất cao nên bà đồng

ý.

Đến ngày 15/11/2015 âm lịch ông H, bà T có xuống nhà bà để vay tiếp số tiền 20.000.000đ. Việc vay tiền có ký biên nhận. Thời gian hai bên thỏa thuận là hai tháng sẽ hoàn lại vốn. Tuy nhiên hai bên vẫn có thỏa thuận thêm là nếu đóng lãi sòng phẳng thì vẫn tiếp tục để ông H, bà T đóng lãi bình thường.

Lần cuối đến ngày 15/01/2017 dương lịch; Vợ chồng ông H, bà T đến nhà bà và nói nhập nhiều vỏ xe nên mượn thêm của bà số tiền là 70.000.000đ. Lần này vợ chồng ông H bà T hẹn ba tháng trả tất cả số tiền của ba biên nhận.

Quá trình vay ông H, bà T đã đóng được cho bà tổng cộng 30.000.000đ tiền lãi, trong đó: số tiền 30.000.000đ đóng được 18.890.000đ; số tiền 20.000.000đ đóng được 9.000.000đ và số tiền 70.000.000đ đóng được 2.100.000đ. Đến ngày 15/02/2017 dương lịch thì ngưng cho đến nay.

Bà đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà T trả nợ nhưng cả hai không thực hiện do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà T liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền 120.000.000đ của ba biên nhận và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/3/2017 đến ngày Tòa án xét xử.

*Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc H bị đơn ông Thái Văn H, bà Hồ Như T thể hiện ý kiến tại văn bản trình bày ý kiến ngày 16/11/2017 và 24/11/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Ngày 20/5/2015 vợ chồng ông, bà có vay của bà Lâm Ngọc H số tiền 30.000.000đ với lãi suất là 05%/tháng. Mỗi tháng đóng 1.500.000đ. Đến ngày 15/11/2015 vợ chồng ông bà có vay thêm của bà H 20.000.000đ lãi suất cũng là 05%/tháng mỗi tháng đóng 1.000.000đ. Sau đó thì vợ chồng cũng có mượn thêm của bà H hai lần một lần 5.000.000đ và một lần 8.000.000đ. Số tiền lãi đóng được cho bà H đến ngày 15/01/2017 thì ngưng. Bà H có nói làm lại một biên nhận khác ngày 15/01/2017 là cộng luôn tiền lãi mà vợ chồng con thiếu tổng cộng là 70.000.00đ.

Sau đó do vợ chồng làm ăn thất bại nên không có khả năng đóng lãi nữa.

Đối với yêu cầu của bà H vợ chồng ông bà chỉ thừa nhận thiếu số tiền 70.000.000đ theo biên nhận vay ngày 15/01/2017 dương lịch. Trong đó, có số tiền vốn 20.000.000đ của biên nhận ngày 15/11/2015 âm lịch và 30.000.000đ của biên nhận vay ngày 20/5/2015 dương lịch, 13.000.000đ vay thêm và 7.000.000đ tiền lãi của số tiền lãi còn nợ. Số tiền 20.000.000đ của biên nhận ngày 15/11/2015 âm lịch

và 30.000.000đ của biên nhận vay ngày 20/5/2015 dương lịch đã được cộng dồn vào biên nhận ngày 15/01/2017 nên vợ chồng ông bà không đồng ý trả số tiền này theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Hiện tại do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông bà yêu cầu mỗi tháng được trả 1.000.000đ.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà Lâm Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông H, bà T trả cho bà số tiền 120.000.000đ theo ba biên nhận và lãi suất theo quy định pháp luật, bà không yêu cầu tính lãi quá hạn hay lãi phạt đối với ông H, bà T.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay:* Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời gian theo quy định pháp luật.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:* đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*\* Đối với nội dung vụ án:* căn cứ vào các chứng cứ do bà Lâm Ngọc H cung cấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xem xét điều chỉnh số tiền lãi suất 30.000.000đ bà H đã nhận của ông H, bà T do mức lãi các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi pháp luật quy định. Đối với ý kiến trình bày của ông H, bà T không có cơ sở nên không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật:* bà Lâm Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn H, bà Hồ Như T trả số tiền 120.000.000đ và lãi suất theo các biên nhận vay ngày 20/5/2015 dương lịch, 15/11/2015 âm lịch và 15/01/2017 dương lịch. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy đây là yêu cầu tranh chấp về giao dịch dân sự liên quan đến hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, đối với biên nhận ngày 20/5/2015 và 15/11/2015 hai bên giao kết khi Bộ luật dân sự 2015 chưa có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết; còn biên nhận ngày 15/02/2017 Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* các bên tranh chấp quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. n

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn ông Thái Văn H, bà Hồ Như T vắng mặt và cũng không có đơn yêu cầu vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà.

[4] Về pháp luật nội dung:

Đối với yêu cầu trả số tiền 120.000.000đ bà Lâm Ngọc H cung cấp bản chính biên nhận ngày 20/5/2015 (Tòa án đã tiến hành đối chiếu bản chính biên nhận này, bà H xin nhận lại bản chính vì phía sau biên nhận này còn một biên nhận nợ của người khác) – thể hiện số tiền ông H, bà T ký nhận là 30.000.000đ; bản chính biên nhận 15/11/2015 – thể hiện số tiền ông H, bà T ký nhận là 20.000.000đ và 15/01/2017 – thể hiện số tiền ông H, bà T ký nhận là 70.000.000đ. Tại biên bản đối chất ngày 24/11/2017 ông H, bà T đều thừa nhận chữ ký trong 03 biên nhận này đều là của vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, vợ chồng ông bà chỉ thừa nhận nợ số tiền 70.000.000đ của biên nhận ngày 15/01/2017 là biên nhận cộng dồn của biên nhận ngày 20/5/2015, 15/11/2015, tiền lãi và tiền của bà T nợ riêng. Tuy nhiên bà H không thừa nhận lời trình bày của ông H, bà T. Ông H bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là sự thật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Căn cứ vào 03 biên nhận bà H cung cấp Hội đồng xét xử xác định số tiền ông H, bà T nhận theo 03 biên nhận này là 120.000.000đ.

[5] Cả 03 biên nhận các bên đều thỏa thuận thời hạn vay tiền và hai bên đều thừa nhận việc vay mượn giữa các bên là có lãi. Tuy nhiên biên nhận ngày 20/5/2015 và 15/11/2015 sau khi hết thời hạn vay các bên đã tiếp tục duy trì hợp đồng bằng việc tiếp tục đóng lãi, còn biên nhận ngày 15/01/2017 thì ông H, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trong thời gian vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền vay theo biên nhận ngày 20/5/2015 và 15/11/2015 là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; còn số tiền vay theo biên nhận ngày 15/01/2017 là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà H đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay, còn ông H, bà T là bên vay đã được hưởng quyền nhưng không thực hiện nghĩa vụ của bên vay. Do đó, yêu cầu trả số tiền 120.000.000đ của bà Lâm Ngọc H là có cơ sở và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu về lãi suất: bà H xác định mức lãi suất các bên thỏa thuận là 03%; còn ông H bà T xác định lãi suất có khi 05% có khi 10%. Tuy nhiên cả hai không ai có chứng cứ chứng minh đối với mức lãi các bên thỏa thuận vì khi trả lãi các bên không có biên nhận và cũng không có người nào khác biết. Bà H thừa nhận có nhận của ông H, bà T tổng cộng là 30.000.000đ tiền lãi. Do đó, Hội xét xử sẽ áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để điều chỉnh mức lãi suất tại biên nhận ngày 20/5/2015, 15/11/2015. Riêng biên nhận ngày 15/01/2017 bà H cũng chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật và không yêu cầu phạt lãi hay lãi quá hạn

đây là yêu cầu có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để điều chỉnh mức lãi suất tại biên nhận này. Việc bà H thừa nhận đã nhận lãi của ông H, bà T 30.0000.000đ mặc dù ông H, bà T không chấp nhận và cho rằng mình đóng mức lãi cao hơn nhưng lại không có chứng cứ chứng minh sự thừa nhận của bà H là có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét chấp nhận số tiền này để khấu trừ vào số tiền lãi ông bà phải trả cho bà H.

Cụ thể:

Đối với biên nhận ngày 20/5/2015 dương lịch và 15/11/2015 âm lịch mức lãi suất hai bên được phép thỏa thuận theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2015 không được vượt mức 1,125%/tháng.

Số tiền lãi của 30.000.000đ từ ngày 20/5/2015 đến ngày 31/01/2018 là 32 tháng 11 ngày với mức lãi suất 1,125%/tháng là 10.923.750đ.

Số tiền lãi của 20.000.000đ từ ngày 15/11/2015 âm lịch (nhằm ngày 25/12/2015 dương lịch) đến ngày 31/01/2018 là 25 tháng 06 ngày với mức lãi suất 1,125%/tháng là 5.670.000đ.

Đối với biên nhận ngày 15/01/2017 dương lịch mức lãi suất các bên được pháp thỏa thuận không được vượt 20%/năm của khoản tiền vay. Với số tiền 70.000.000đ thì số tiền lãi các bên được phép thỏa thuận không được vượt 1.167.000đ/tháng (làm tròn số). Từ ngày 15/01/2017 đến ngày 31/01/2018 là 12 tháng 16 ngày với mức lãi suất này thì tiền lãi là 14.626.400đ.

Tổng số tiền lãi mà ông H, bà T phải trả cho bà H theo mức lãi suất pháp luật quy định là 31.220.000đ. Sau khi khấu trừ số tiền lãi 30.000.000đ đã trả thì ông H, bà T còn phải tiếp tục trả cho bà H là 1.220.000đ tiền lãi suất.

[7] Tổng vốn và lãi ông H, bà T phải trả cho bà H là: 121.220.000đ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông H, bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật; ông H, bà T có đơn xin miễn giảm án phí và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M hiện hoàn cảnh cả hai đang gặp khó khăn về kinh tế nên sẽ được Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần án phí cho cả hai.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 471, 474, 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 13 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 31/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc H buộc ông Thái Văn H, bà Hồ Như T liên đới trách nhiệm trả cho bà Lâm Ngọc H số tiền 121.220.000đ (Một trăm hai mươi một triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Ngọc H được nhận lại 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003602 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 31/10/2017.

Ông Thái Văn H và bà Hồ Như T phải nộp 6.061.000đ (Sáu triệu, không trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng có đơn xin giảm án phí và thuộc trường hợp giảm do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi cư ngụ nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần án phí. Số tiền án phí mà ông H và bà T còn phải nộp là 3.030.500đ (Ba triệu, không trăm ba mươi nghìn, năm trăm đồng).

6/ Quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSNDTPLX;
- THA DS TP.L
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**Nguyễn Thị Huệ Thơm**

